

DANH SÁCH HỌC SINH

Được hưởng hỗ trợ học phí theo Nghị quyết số 54/2019/NQ-HĐND ngày 09/12/2019
của Hội đồng nhân dân thành phố - Kỳ II năm học 2024 - 2025

TT	Họ tên học sinh	Trường THCS	Mức hỗ trợ	Số tháng được hỗ trợ	Nhu cầu kinh phí kỳ II năm học 2024 - 2025	Kinh phí đã được miễn giảm ở NĐ81/NĐ-CP	Tổng kinh phí được hỗ trợ kỳ II năm 2024 - 2025
1	Đồng Vũ Trúc Anh	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
2	Nguyễn Minh Anh	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
3	Phạm Thị Ngọc Bích	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
4	Lê Quỳnh Chi	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
5	Lương Đức Cường	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
6	Vũ Thu Duyên	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
7	Đinh Thùy Dương	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
8	Phạm Tùng Dương	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
9	Ngô Vũ Quốc Đạt	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
10	Nguyễn Hải Đăng	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
11	Nguyễn Vũ Hương Giang	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
12	Trần Thu Hà	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
13	Lương Trung Hiếu	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
14	Nguyễn Gia Huy	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
15	Vũ Quốc Huy	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
16	Nguyễn Bảo Khánh	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
17	Nguyễn Phương Lê	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
18	Vũ Trà Mi	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
19	Nguyễn Hải Nam	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
20	Nhân Duy Hải Nam	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
21	Ôn Lê Bảo Ngân	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
22	Nguyễn Bảo Ngọc	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
23	Đoàn Gia Nhi	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
24	Lương Yên Nhi	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
25	Vũ Chân Phong	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
26	Đào Minh Phúc	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
27	Hoàng Thị Thu Phương	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
28	Nguyễn Đăng Quang	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
29	Nguyễn Thị Bảo Quyên	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
30	Nguyễn Thị Như Quỳnh	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
31	Nguyễn Tiên Thành	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
32	Đỗ Phương Thảo	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
33	Nguyễn Hoàng Thiên	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
34	Phạm Hoài Thư	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
35	Nguyễn Minh Trang	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
36	Đồng Quốc Trung	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
37	Nguyễn Minh Tuấn	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
38	Hoàng Minh Tuyết	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
39	Trần Đặng Ái Vân	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000



Đang

TT	Họ tên học sinh	Trường THCS	Mức hỗ trợ	Số tháng được hỗ trợ	Nhu cầu kinh phí kỳ II năm học 2024 - 2025	Kinh phí đã được miễn giảm ở NĐ81/NĐ-CP	Tổng kinh phí được hỗ trợ kỳ II năm 2024 - 2025
40	Nguyễn Phương Vy	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
41	Bùi Duy Mạnh	THCS An Tiến	62.000	5	310.000	310.000	0
42	Lâm Vũ Tuấn Anh	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
43	Bùi Ngọc Bảo Anh	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
44	Tạ Gia Bảo	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
45	Vũ Gia Bảo	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
46	Bùi Gia Bằng	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
47	Nguyễn Đức Cảnh	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
48	Phùng Thị Thảo Chi	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
49	Nguyễn Tiên Dũng	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
50	Nguyễn Anh Duy	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
51	Lương Hải Đăng	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
52	Đinh Quang Hiệu	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
53	Hoàng Gia Huy	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
54	Phạm Gia Huy	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
55	Phạm Thị Minh Huyền	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
56	Phạm Duy Khánh	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
57	Phạm Nam Khánh	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
58	Phạm Ngọc Khánh	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
59	Nguyễn Nguyên Khôi	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
60	Nguyễn Ngọc Lan	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
61	Bùi Thị Khánh Linh	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
62	Dương Thị Kiều Linh	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
63	Nguyễn Thành Luân	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
64	Vương Thảo Ly	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
65	Nguyễn Thị Mai	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
66	Nguyễn Lê Minh	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
67	Nguyễn Trà My	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
68	Hoàng Nam	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
69	Nguyễn Tuấn Nghĩa	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
70	Vương Thị Yên Nhi	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
71	Bùi Trang Nhung	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
72	Vũ Anh Quân	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
73	Phạm Như Quỳnh	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
74	Nguyễn Thanh Thủy	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
75	Bùi Thị Anh Thư	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
76	Vũ Thành Tiên	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
77	Lê Thị Ngọc Trâm	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
78	Đinh Minh Trí	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
79	Vũ Khánh Vân	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
80	Nguyễn Hải Yên	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
81	Nguyễn Thành Đạt	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
82	Đông Thị Quỳnh Anh	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
83	Phạm Kim Anh	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000

Phạm

TT	Họ tên học sinh	Trường THCS	Mức hỗ trợ	Số tháng được hỗ trợ	Nhu cầu kinh phí kỳ II năm học 2024 - 2025	Kinh phí đã được miễn giảm ở ND81/ND-CP	Tổng kinh phí được hỗ trợ kỳ II năm 2024 - 2025
84	Phan Kim Anh	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
85	Vũ Ngọc Hoàng Anh	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
86	Chu Minh Ánh	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
87	Mạc Duy Bảo	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
88	Nguyễn Bảo Châu	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
89	Vũ Minh Châu	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
90	Nguyễn Hà Chi	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
91	Nguyễn Tiên Dũng	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
92	Đoàn Thị Duyên	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
93	Nguyễn Việt Dương	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
94	Đặng Minh Đức	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
95	Hứa Hồng Hà	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
96	Nguyễn Thu Hà	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
97	Nguyễn Trần Hoàn	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
98	Lê Quốc Hưng	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
99	Bùi Ngân Khánh	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
100	Phạm Nam Khánh	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
101	Nguyễn Phúc Lâm	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
102	Nguyễn Hoàng Linh	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
103	Lương Ngọc Minh	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
104	Ngô Hải Minh	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
105	Nguyễn Bình Minh	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
106	Nguyễn Tuấn Minh	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
107	Tổng Phú Minh	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
108	Vũ Hoài Nam	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
109	Hoàng Minh Nhật	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
110	Vũ Kiều Oanh	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
111	Trịnh Duy Phong	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
112	Vũ Nam Phong	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
113	Bùi An Phú	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
114	Lương An Phú	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
115	Dương Minh Sơn	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
116	Nguyễn Thu Trang	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
117	Tô Ngọc Trang	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
118	Nguyễn Hoàng Trung	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
119	Phạm Tuấn Tú	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
120	Lương Sơn Tùng	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
121	Lương Huệ Vân	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
122	Nguyễn Gia Bảo	THCS An Tiến	62.000	4	248.000		248.000
123	Bùi Thị Kim Anh	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
124	Nguyễn Ngọc Anh	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
125	Nguyễn Việt Anh	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
126	Đoàn Lê Thái Ân	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
127	Hoàng Duy Bảo	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000

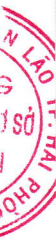
YÊN
 RUỒN
 NG HỌC C
 AN TIẾN
 7 ★ 9

Brun

TT	Họ tên học sinh	Trường THCS	Mức hỗ trợ	Số tháng được hỗ trợ	Nhu cầu kinh phí kỳ II năm học 2024 - 2025	Kinh phí đã được miễn giảm ở NĐ81/NĐ-CP	Tổng kinh phí được hỗ trợ kỳ II năm 2024 - 2025
128	Nguyễn Hà Chi	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
129	Đỗ Ngọc Diệp	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
130	Lai Thiên Hào	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
131	Nguyễn Thị Minh Hằng	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
132	Phú Minh Hiếu	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
133	Phạm Văn Hòa	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
134	Đỗ Trọng Hoàng	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
135	Lương Đức Hoàng	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
136	Nguyễn Gia Huy	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
137	Bùi Gia Hưng	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
138	Tạ Bảo Khang	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
139	Bùi Trung Kiên	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
140	Nguyễn Hùng Tuấn Kiệt	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
141	Nguyễn Thị Linh Lan	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
142	Hồ Phương Linh	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
143	Vũ Thùy Linh	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
144	Vương Gia Linh	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
145	Nguyễn Quang Minh	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
146	Dương Hà My	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
147	Nguyễn Xuân Bảo Nam	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
148	Hoàng Khánh Ngọc	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
149	Mai Hồng Ngọc	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
150	Bùi Minh Nhật	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
151	Ngô Khánh Nhi	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
152	Nguyễn Thị Yên Nhi	THCS An Tiến	62.000	5	310.000	155.000	155.000
153	Phạm Yên Nhi	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
154	Phú Hồng Ninh	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
155	Hoàng Danh Phú	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
156	Lương Văn Quân	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
157	Ngô Như Quỳnh	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
158	Nguyễn Đức Thành	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
159	Phạm Đức Thịnh	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
160	Phạm Thị Minh Thương	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
161	Lương Thanh Trúc	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
162	Phú Huỳnh Thảo Vy	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
163	Nguyễn Như Ý	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
164	Nguyễn Hải An	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
165	Lê Thị Phương Anh	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
166	Lương Tuấn Anh	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
167	Hoàng Thị Thanh Bình	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
168	Lương Xuân Duy	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
169	Đinh Tùng Dương	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
170	Ngô Thùy Dương	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
171	Lê Minh Tuấn Đạt	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000

Đang

TT	Họ tên học sinh	Trường THCS	Mức hỗ trợ	Số tháng được hỗ trợ	Nhu cầu kinh phí kỳ II năm học 2024 - 2025	Kinh phí đã được miễn giảm ở NĐ81/NĐ-CP	Tổng kinh phí được hỗ trợ kỳ II năm 2024 - 2025
172	Nguyễn Thị Thu Giang	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
173	Lương Đức Hiệp	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
174	Vũ Minh Hiều	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
175	Đỗ Huy Hoàng	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
176	Nguyễn Chiên Hoàng	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
177	Nguyễn Duy Hoàng	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
178	Phú Tuấn Huy	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
179	Trần Quang Huy	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
180	Phú Minh Khôi	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
181	Đỗ Thành Lâm	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
182	Ngô Bảo Long	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
183	Vũ Hoàng Long	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
184	Hoàng Như Mai	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
185	Nguyễn Thị Trà My	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
186	Vũ Hiền My	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
187	Nguyễn Khánh Ngọc	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
188	Nguyễn Thùy Nhung	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
189	Hoàng Ánh Như	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
190	Vũ Huy Phong	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
191	Lương Minh Phú	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
192	Đào Thu Phương	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
193	Lê Phương Thảo	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
194	Nguyễn Thị Anh Thơ	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
195	Đỗ Phạm Thanh Thúy	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
196	Đỗ Bùi Tiên	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
197	Nguyễn Mai Trang	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
198	Nguyễn Minh Tuấn	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
199	Nguyễn Văn Tùng	THCS An Tiến	62.000	1	62.000		62.000
200	Phạm Thanh Tùng	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
201	Trần Phi Yên	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
202	Nguyễn Hà Vân Anh	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
203	Nguyễn Hoàng Bảo Anh	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
204	Vương Thùy Anh	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
205	Đoàn Lê Minh Châu	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
206	Lương Tuấn Cường	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
207	Lê Tấn Tuấn Dũng	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
208	Nguyễn Tân Dũng	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
209	Ôn Thành Dũng	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
210	Nguyễn Nhật Dương	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
211	Trần Thùy Dương	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
212	Nguyễn Trường Giang	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
213	Nguyễn Đức Hiều	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
214	Nguyễn Minh Hiều	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
215	Nguyễn Thị Thanh Hoa	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000



Điểm

TT	Họ tên học sinh	Trường THCS	Mức hỗ trợ	Số tháng được hỗ trợ	Nhu cầu kinh phí kỳ II năm học 2024 - 2025	Kinh phí đã được miễn giảm ở ND81/ND-CP	Tổng kinh phí được hỗ trợ kỳ II năm 2024 - 2025
216	Nguyễn Quang Gia Hưng	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
217	Đào Thu Hường	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
218	Vũ Văn Hường	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
219	Nguyễn Hoàng Bảo Linh	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
220	Khúc Gia Lợi	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
221	Nguyễn Thị Tuyết Mai	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
222	Đào Bảo Nam	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
223	Nguyễn Hải Nam	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
224	Hứa Trần Bảo Ngọc	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
225	Đỗ Thị Yên Nhi	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
226	Nguyễn Yên Nhi	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
227	Nguyễn Văn Phát	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
228	Trần Đức Phong	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
229	Lương Mai Phương	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
230	Đỗ Văn Quang	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
231	Nguyễn Hồng Sơn	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
232	Phạm Đức Thịnh	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
233	Đỗ Trúc Thương	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
234	Nguyễn Văn Toàn	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
235	Nguyễn Mai Trang	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
236	Đặng Thị Anh Tuyết	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
237	Nguyễn Thị Mai Uyên	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
238	Hoàng Quốc Việt	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
239	Phạm Đức Vượng	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
240	Nguyễn Nhật Anh	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
241	Vũ Thị Nguyệt Anh	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
242	Lương Quỳnh Chi	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
243	Chi	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
244	Nguyễn Thị Khánh Chi	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
245	Phạm Quỳnh Chi	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
246	Nguyễn Ngọc Đăng Duy	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
247	Nguyễn Thùy Dương	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
248	Dương Anh Đức	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
249	Lê Trường Giang	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
250	Trần Đỗ Bảo Hân	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
251	Phạm Hoàng	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
252	Bùi Công Hưng	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
253	Trần Quang Hưng	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
254	Vũ Duy Hưng	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
255	Đỗ Đức Lâm	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
256	Lê Ngọc Châu Lâm	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
257	Lương Minh Lâm	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
258	Phạm Tùng Lâm	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
259	Vương Gia Tùng Lâm	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000

Hưng

TT	Họ tên học sinh	Trường THCS	Mức hỗ trợ	Số tháng được hỗ trợ	Nhu cầu kinh phí kỳ II năm học 2024 - 2025	Kinh phí đã được miễn giảm ở NĐ81/NĐ-CP	Tổng kinh phí được hỗ trợ kỳ II năm 2024 - 2025
260	Nguyễn Mai Linh	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
261	Nguyễn Thùy Linh	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
262	Bùi Bảo Long	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
263	Lương Gia Long	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
264	Ngô Nhật Long	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
265	Vũ Hoàng Minh	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
266	Đoàn Thị Trà My	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
267	Phạm Phương Nam	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
268	Trần Bảo Nam	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
269	Đặng Bảo Ngân	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
270	Đào Minh Nhật	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
271	Lương Đức Nhật	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
272	Vũ Minh Nhật	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
273	Đồng Huy Phong	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
274	Lê Thanh Phong	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
275	Nguyễn Hải Phong	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
276	Nguyễn Hồng Sơn	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
277	Nguyễn Kiều Trang	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
278	Ngô Hải Tuấn	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
279	Nguyễn Minh Tuấn	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
280	Lê Minh Tùng	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
281	Nguyễn Yên Vi	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
282	Ngô Minh Vũ	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
283	Nguyễn Duy Vũ	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
284	Nguyễn Ngọc Tường Vy	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
285	Đào Quỳnh Anh	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
286	Lê Hồng Anh	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
287	Phan Thị Minh Anh	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
288	Nguyễn Văn Dũng	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
289	Lương Tuấn Đạt	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
290	Nguyễn Trường Giang	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
291	Phạm Mai Giang	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
292	Phú Thị Ngọc Hà	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
293	Ngô Giang Huy	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
294	Nguyễn Gia Huy	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
295	Nguyễn Quang Huy	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
296	Phạm Thiên Hương	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
297	Ngô Duy Khánh	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
298	Nguyễn Đăng Khoa	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
299	Nguyễn Khánh Linh	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
300	Phạm Duy Mạnh	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
301	Bùi Nhật Minh	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
302	Phú Hoàng Nam	THCS An Tiến	62.000	5	310.000	155.000	155.000
303	Bùi Bảo Ngọc	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000

TT	Họ tên học sinh	Trường THCS	Mức hỗ trợ	Số tháng được hỗ trợ	Nhu cầu kinh phí kỳ II năm học 2024 - 2025	Kinh phí đã được miễn giảm ở NĐ81/NĐ-CP	Tổng kinh phí được hỗ trợ kỳ II năm 2024 - 2025
304	Đào Thị Phương Ngọc	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
305	Nguyễn Anh Ngọc	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
306	Đào Thị Minh Nhi	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
307	Đinh Thị Quỳnh Như	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
308	Phạm Trí Phát	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
309	Nguyễn Minh Phong	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
310	Nguyễn Minh Phú	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
311	Hoàng Thị Phương	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
312	Nguyễn Xuân Phương	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
313	Nguyễn Minh Quân	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
314	Trần Nguyễn Trúc Quân	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
315	Phạm San San	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
316	Đỗ Minh Tân	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
317	Đào Thị Thủy	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
318	Phạm Thị Thùy Trang	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
319	Nguyễn Kim Duy Tuấn	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
320	Bùi Gia Vinh	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
321	Trần Nguyễn Bình An	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
322	Bùi Vũ Mai Anh	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
323	Khúc Nguyễn Phương Anh	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
324	Nguyễn Hoàng Gia Bảo	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
325	Nguyễn Hải Bình	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
326	Hoàng Ngọc Minh Châu	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
327	Nguyễn Thị Thùy Chi	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
328	Đặng Ngọc Diệp	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
329	Khúc Minh Dương	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
330	Bùi Tiên Đạt	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
331	Nguyễn Hải Đăng	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
332	Tạ Văn Đức	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
333	Trần Quốc Giang	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
334	Nguyễn Văn Giáp	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
335	Đào Tuấn Hải	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
336	Trần Thanh Hải	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
337	Nguyễn Quốc Hào	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
338	Phạm Bảo Hân	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
339	Phạm Khánh Hiền	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
340	Bùi Duy Hiếu	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
341	Nguyễn Thê Hoàng	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
342	Nguyễn Thị Minh Hồng	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
343	Đỗ Trần Gia Huy	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
344	Vũ Văn Huy	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
345	Hoàng Thị Hương	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
346	Lương Thu Hương	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
347	Nguyễn Vũ Thu Hương	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000

Đang

TT	Họ tên học sinh	Trường THCS	Mức hỗ trợ	Số tháng được hỗ trợ	Nhu cầu kinh phí kỳ II năm học 2024 - 2025	Kinh phí đã được miễn giảm ở NĐ81/NĐ-CP	Tổng kinh phí được hỗ trợ kỳ II năm 2024 - 2025
348	Trần Vũ Khánh Linh	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
349	Nguyễn Thành Long	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
350	Nguyễn Gia Minh	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
351	Nguyễn Hải Nam	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
352	Nguyễn Thị Hồng Ngọc	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
353	Ngô Minh Nguyệt	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
354	Phạm Phương Nhi	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
355	Nguyễn Gia Phong	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
356	Lê Văn Quyết	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
357	Trần Trí Tâm	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
358	Nguyễn Diệu Thảo	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
359	Nguyễn Minh Thắng	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
360	Nguyễn Phạm Bảo Trâm	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
361	Hoàng Thanh Trúc	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
362	Vũ Hải Vân	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
363	Các Hoàng Ngọc Anh	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
364	Đồng Vũ Mai Anh	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
365	Ngô Phương Anh	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
366	Nguyễn Gia Bảo	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
367	Vũ Trọng Bằng	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
368	Nguyễn Thành Công	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
369	Nguyễn Đức Dũng	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
370	Đào Thùy Dương	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
371	Nguyễn Hải Đăng	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
372	Nguyễn Thị Hương Giang	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
373	Nguyễn Trường Giang	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
374	Phạm Thị Mai Hoa	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
375	Vũ Huy Hoàng	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
376	Nguyễn Thái Học	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
377	Phí Đăng Huy	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
378	Khúc Văn Hưng	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
379	Khúc Minh Khoa	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
380	Nguyễn Phương Lan	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
381	Nguyễn Hương Kiều Linh	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
382	Trần Khánh Linh	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
383	Lê Thiên Long	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
384	Trần Việt Nhật Minh	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
385	Trần Kim Ngân	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
386	Lương Thị Bích Ngọc	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
387	Vũ Nguyễn Bảo Ngọc	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
388	Cao Yên Nhi	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
389	Vũ Linh Nhi	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
390	Nguyễn Châu Hùng Phi	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
391	Đào Hải Phong	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000



Handwritten signature in blue ink.

TT	Họ tên học sinh	Trường THCS	Mức hỗ trợ	Số tháng được hỗ trợ	Nhu cầu kinh phí kỳ II năm học 2024 - 2025	Kinh phí đã được miễn giảm ở NĐ81/NĐ-CP	Tổng kinh phí được hỗ trợ kỳ II năm 2024 - 2025
392	Nguyễn Trọng Sang	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
393	Phạm Thanh Sang	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
394	Phạm Thị Minh Tâm	THCS An Tiến	62.000	1	62.000		62.000
395	Nguyễn Khánh Toàn	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
396	Vương Thùy Trang	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
397	Nguyễn Thị Thanh Trúc	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
398	Nguyễn Tuyết Vân	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
399	Lê Uy Vũ	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
400	Phạm Bá Vũ	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
401	Hoàng Tuấn Anh	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
402	Nguyễn Đức Anh	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
403	Phạm Gia Bảo	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
404	Lại Hiền Diệu	THCS An Tiến	62.000	1	62.000		62.000
405	Nguyễn Thành Dũng	THCS An Tiến	62.000	1	62.000		62.000
406	Hoàng Thu Hà	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
407	Đoàn Ngọc Hân	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
408	Trần Khánh Hoàn	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
409	Nguyễn Khánh Huyền	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
410	Lai Duy Khánh	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
411	Trần Ngân Khánh	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
412	Phan Đăng Lâm	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
413	Đinh Nguyễn Hà Linh	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
414	Đỗ Thùy Linh	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
415	Đỗ Duy Long	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
416	Vũ Đại Long	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
417	Nguyễn Thị Thanh Mai	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
418	Vương Thị Ngọc Mai	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
419	Lương Duy Minh	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
420	Nguyễn Gia Minh	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
421	Cao Văn Nam	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
422	Nguyễn Hải Nam	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
423	Trần Duy Nam	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
424	Phạm Kim Ngân	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
425	Trịnh Bảo Nguyên	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
426	Vương Như Nguyệt	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
427	Lương Đức Phú	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
428	Nguyễn Văn Thành	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
429	Hoàng Phương Thảo	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
430	Các Văn Thịnh	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
431	Các Thị Thùy Trang	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
432	Phạm Huyền Trang	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
433	Phí Bùi Hà Trang	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
434	Vương Thành Trung	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
435	Bùi Xuân Tùng	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000

Đang

TT	Họ tên học sinh	Trường THCS	Mức hỗ trợ	Số tháng được hỗ trợ	Nhu cầu kinh phí kỳ II năm học 2024 - 2025	Kinh phí đã được miễn giảm ở NĐ81/NĐ-CP	Tổng kinh phí được hỗ trợ kỳ II năm 2024 - 2025
436	Đỗ Duy Tường	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
437	Đào Tường Vi	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
438	Nguyễn Phú Vinh	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
439	Đỗ Huy Vũ	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
440	Đinh Tường Vy	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
441	Nguyễn Thị Hải Yên	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
442	Phạm Thị Hải Yên	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
443	Tông Hà An	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
444	Đoàn Cao Việt Anh	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
445	Phạm Quỳnh Anh	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
446	Phạm Việt Anh	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
447	Vũ Gia Bảo	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
448	Nguyễn Dương Thùy Chi	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
449	Thiều Hạnh Chi	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
450	Nguyễn Anh Diệp	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
451	Nguyễn Huy Dũng	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
452	Nguyễn Mạnh Dũng	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
453	Hoàng Anh Dương	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
454	Nguyễn Thành Đạt	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
455	Giang	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
456	Ngô Hoàng Gia Hân	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
457	Nguyễn Văn Trung Hiếu	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
458	Lương Quang Huy	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
459	Nguyễn Hoàng Khánh Huy	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
460	Nguyễn Thu Hương	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
461	Trần Đăng Khôi	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
462	Hoàng Trung Kiên	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
463	Nguyễn Thùy Linh	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
464	Vũ Thùy Linh	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
465	Đoàn Lê Khánh Ly	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
466	Nguyễn Trà Mi	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
467	Bùi Nhật Minh	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
468	Vũ Quang Minh	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
469	Nguyễn Hà My	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
470	Nguyễn Thị Thúy Nga	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
471	Lê Khánh Ngọc	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
472	Lương Hồng Ngọc	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
473	Vũ Bảo Ngọc	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
474	Đồng Triệu Phong	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
475	Nguyễn Nam Phong	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
476	Võ Hồng Phong	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
477	Vũ Hải Phong	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
478	Nguyễn Kim Bảo Phúc	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
479	Lương Minh Quân	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000

YÊN
RUỒ
NG HỌ
AN T

Đường

TT	Họ tên học sinh	Trường THCS	Mức hỗ trợ	Số tháng được hỗ trợ	Nhu cầu kinh phí kỳ II năm học 2024 - 2025	Kinh phí đã được miễn giảm ở NĐ81/NĐ-CP	Tổng kinh phí được hỗ trợ kỳ II năm 2024 - 2025
480	Ngô Hồng Sơn	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
481	Nguyễn Phương Thảo	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
482	Lương Thị Như Thủy	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
483	Vũ Phương Trang	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
484	Trúc	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
485	Lương Quốc Việt	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
486	Nguyễn Thanh Xuân	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
487	Chu Phương Anh	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
488	Nguyễn Ngọc Anh	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
489	Nguyễn Trâm Anh	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
490	Bùi Thị Thủy Chi	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
491	Nguyễn Chí Cường	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
492	Khúc Thùy Dương	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
493	Nguyễn Tiên Đạt	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
494	Nguyễn Văn Đạt	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
495	Phạm Phú Đạt	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
496	Phạm Hải Đăng	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
497	Khúc Minh Đức	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
498	Nguyễn Thị Thu Hà	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
499	Phùng Minh Hiếu	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
500	Đào Phi Hùng	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
501	Vũ Khánh Huyền	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
502	Nguyễn Văn Khanh	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
503	Phạm Gia Khánh	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
504	Nguyễn Hào Kiệt	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
505	Dương Thị Kiều	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
506	Phạm Thị Phương Linh	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
507	Lương Mai Ly	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
508	Bùi Quang Minh	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
509	Phạm Lâm Khánh Minh	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
510	Hoàng Hà My	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
511	Hoàng Hải Nam	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
512	Lê Như Ngọc	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
513	Nguyễn Bảo Ngọc	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
514	Đặng Hà Phương	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
515	Nguyễn Thu Phương	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
516	Vũ Hoài Phương	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
517	Lê Ngọc Quân	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
518	Nguyễn Anh Quân	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
519	Hoàng Như Quỳnh	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
520	Phạm Đan Quỳnh	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
521	Đặng Duy Thanh	THCS An Tiến	62.000	5	310.000	155.000	155.000
522	Lương Phương Thảo	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
523	Phùng Đức Thảo	THCS An Tiến	62.000	5	310.000	155.000	155.000

Nguyễn

TT	Họ tên học sinh	Trường THCS	Mức hỗ trợ	Số tháng được hỗ trợ	Nhu cầu kinh phí kỳ II năm học 2024 - 2025	Kinh phí đã được miễn giảm ở NĐ81/NĐ-CP	Tổng kinh phí được hỗ trợ kỳ II năm 2024 - 2025
524	Nguyễn Đức Thắng	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
525	Lê Anh Thư	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
526	Lương Thị Thu Trang	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
527	Cao Tuấn Tú	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
528	Bùi Thị Tuyết Anh	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
529	Mạc Minh Anh	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
530	Hoàng Ngọc Ánh	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
531	Trịnh Gia Bảo	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
532	Vũ Gia Bình	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
533	Khúc Thị Thảo Chi	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
534	Lương Thị Hà Chi	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
535	Nguyễn Thành Duy	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
536	Phạm Đức Duy	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
537	Phạm Đức Duy	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
538	Bùi Trần Dương	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
539	Nguyễn Thành Đạt	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
540	Nguyễn Văn Đức	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
541	Phan Thanh Hà	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
542	Đỗ Minh Hiếu	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
543	Ngô Trung Hiếu	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
544	Bùi Gia Huy	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
545	Lương Gia Huy	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
546	Mai Thị Thanh Huyền	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
547	Nguyễn Duy Khang	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
548	Phan Nguyên Khánh	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
549	Ngô Bảo Lâm	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
550	Nguyễn Hải Linh	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
551	Trần Duy Long	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
552	Phạm Thị Khánh Ly	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
553	Trần Ngọc Mai	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
554	Nguyễn Văn Minh	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
555	Nguyễn Khánh Mỹ	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
556	Nguyễn Hà Bảo Ngọc	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
557	Lương Mạnh Quân	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
558	Vũ Thị Như Quỳnh	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
559	Nguyễn Tiên Tài	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
560	Bùi Minh Thu	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
561	Lương Thị Ngọc Thương	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
562	Hoàng Bảo Thy	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
563	Nguyễn Phương Trang	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
564	Nguyễn Thị Thu Trang	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
565	Phan Đức Trí	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
566	Nguyễn Quang Trinh	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
567	Nông Anh Tú	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000

AN
NG
CƠ
ÊN
ĐNC

Đang

TT	Họ tên học sinh	Trường THCS	Mức hỗ trợ	Số tháng được hỗ trợ	Nhu cầu kinh phí kỳ II năm học 2024 - 2025	Kinh phí đã được miễn giảm ở ND81/ND-CP	Tổng kinh phí được hỗ trợ kỳ II năm 2024 - 2025
568	Đinh Mạnh Tuấn	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
569	Nguyễn Anh Tuấn	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
570	Nguyễn Đức Anh	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
571	Nguyễn Văn Anh	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
572	Phạm Phương Anh	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
573	Phạm Thị Lan Anh	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
574	Trần Hoàng Thế Anh	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
575	Lê Thùy Dung	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
576	Đồng Đức Duy	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
577	Lương Đức Duy	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
578	Nguyễn Minh Đức	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
579	Hoàng Thanh Hà	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
580	Vũ Mạnh Hải	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
581	Nguyễn Trung Hiếu	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
582	Bùi Việt Hoàng	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
583	Đỗ Mạnh Hùng	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
584	Nguyễn Mạnh Hùng	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
585	Hoàng Công Huy	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
586	Nguyễn Thanh Huyền	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
587	Vũ Thanh Hưng	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
588	Trần Anh Kiệt	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
589	Nguyễn Thành Lâm	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
590	Trần Diệp Lâm	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
591	Đào Phương Liên	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
592	Nguyễn Thị Kim Liên	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
593	Đoàn Thị Khánh Linh	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
594	Nguyễn Hoàng Hà Linh	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
595	Phạm Thị Mai Linh	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
596	Phú Thùy Linh	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
597	Trần Bảo Long	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
598	Nguyễn Trịnh Anh Minh	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
599	Trần Tuấn Minh	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
600	Nguyễn Thị Hồng Ngọc	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
601	Nguyễn Yên Nhi	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
602	Phạm Hoàng Phúc	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
603	Nguyễn Khánh Phương	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
604	Phạm Thị Thu Phương	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
605	Phạm Thị Như Quỳnh	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
606	Lai Tiên Thành	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
607	Ngô Duy Thắng	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
608	Nguyễn Chiến Thắng	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
609	Nguyễn Văn Thuận	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
610	Phạm Văn Thuận	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
611	Trần Hà Trang	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000

Long

TT	Họ tên học sinh	Trường THCS	Mức hỗ trợ	Số tháng được hỗ trợ	Nhu cầu kinh phí kỳ II năm học 2024 - 2025	Kinh phí đã được miễn giảm ở NĐ81/NĐ-CP	Tổng kinh phí được hỗ trợ kỳ II năm 2024 - 2025
612	Hoàng Thị Phương Trâm	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
613	Nguyễn Quốc Việt	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
614	Nguyễn Tuấn Vũ	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
615	Lê Vũ Tường Vy	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
616	Trần Hạ Vy	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
617	Bùi Ngô Bảo An	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
618	Đỗ Phương Anh	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
619	Nguyễn Phương Anh	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
620	Nguyễn Quỳnh Anh	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
621	Nguyễn Thị Vân Anh	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
622	Trần Vũ Huỳnh Anh	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
623	Phạm Gia Bảo	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
624	Vũ Đỗ Gia Bảo	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
625	Trương Phú Cường	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
626	Hoàng Chí Dũng	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
627	Nguyễn Tuấn Dũng	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
628	Nguyễn Nhật Dương	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
629	Bùi Minh Đức	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
630	Vũ Thị Thúy Hằng	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
631	Lê Thị Thanh Hiền	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
632	Lương Thanh Hiền	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
633	Nguyễn Mạnh Hiếu	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
634	Vũ Minh Hiếu	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
635	Nguyễn Huy Hoàng	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
636	Nguyễn Huy Hoàng	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
637	Nguyễn Phi Hùng	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
638	Nguyễn Thị Minh Huyền	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
639	Nguyễn Duy Khang	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
640	Hoàng Nam Khánh	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
641	Nguyễn Bảo Khánh	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
642	Đỗ Hoàng Lâm	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
643	Phạm Thị Khánh Linh	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
644	Phạm Thị Thùy Linh	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
645	Nguyễn Tiên Long	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
646	Nguyễn Thị Quỳnh Nga	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
647	Đặng Hồng Ngọc	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
648	Đoàn Khánh Ngọc	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
649	Phạm Khánh Ngọc	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
650	Lưu Khánh Phương	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
651	Nguyễn Thị Mai Phương	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
652	Đồng Xuân Tài	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
653	Đỗ Thị Thu Thảo	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
654	Nguyễn Thị Linh Trang	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
655	Lương Đức Tú	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000

TRƯỜNG THCS AN TIẾN

Đang

TT	Họ tên học sinh	Trường THCS	Mức hỗ trợ	Số tháng được hỗ trợ	Nhu cầu kinh phí kỳ II năm học 2024 - 2025	Kinh phí đã được miễn giảm ở NĐ81/NĐ-CP	Tổng kinh phí được hỗ trợ kỳ II năm 2024 - 2025
656	Phạm Lâm Anh Tuấn	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
657	Bùi Thanh Tùng	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
658	Trịnh Hồng Vân	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
659	Nguyễn Lâm Bảo Vy	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
660	Nguyễn Minh Anh	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
661	Trịnh Việt Anh	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
662	Nguyễn Ngọc Anh	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
663	Lương Xuân Bảo	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
664	Lương Ngọc Bích	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
665	Bùi Thị Khánh Chi	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
666	Vũ Thùy Chi	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
667	Nguyễn Thị Ngọc Diệp	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
668	Hoàng Tuấn Dũng	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
669	Vũ Thành Duy	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
670	Mai Tuấn Đạt	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
671	Nguyễn Tiên Đạt	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
672	Trần Lam Điền	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
673	Dương Hương Giang	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
674	Bùi Thị Ngọc Hà	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
675	Hoàng Ngọc Hà	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
676	Nguyễn Thị Xuân Hiền	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
677	Ngô Trọng Hiếu	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
678	Nguyễn Minh Hiếu	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
679	Chu Minh Hoàng	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
680	Nguyễn Văn Hoàng	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
681	Vũ Huy Hoàng	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
682	Đoàn Văn Hưởng	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
683	Hoàng Gia Khánh	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
684	Trần Tùng Lâm	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
685	Vũ Thiên Lâm	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
686	Hoàng Nhật Bảo Long	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
687	Lê Quang Minh	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
688	Nguyễn Hải Minh	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
689	Nguyễn Tuấn Minh	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
690	Zhou Thê Minh	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
691	Lương Thị Thúy Nga	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
692	Lê Thị Ngọc	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
693	Vũ Yên Nhi	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
694	Nguyễn Trang Nhung	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
695	Nguyễn Mạnh Quân	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
696	Vũ Hải Sơn	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
697	Phạm Thị Thu Thảo	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
698	Trần Thanh Thảo	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
699	Trần Việt Thắng	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000

Trang

TT	Họ tên học sinh	Trường THCS	Mức hỗ trợ	Số tháng được hỗ trợ	Nhu cầu kinh phí kỳ II năm học 2024 - 2025	Kinh phí đã được miễn giảm ở NĐ81/NĐ-CP	Tổng kinh phí được hỗ trợ kỳ II năm 2024 - 2025
700	Vũ Thị Phương Uyên	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
701	Lê Đình Vũ	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
702	Dương Nguyên Phương Vy	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
703	Phạm Hà Vy	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
	Cộng				174.840.000	620.000	174.220.000

Long